

Số 04/2024/QĐST-DS

Hoàng Su Phì, ngày 16 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 12/2023/TLST-DSTC, ngày 20/11/2023. Về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N. Địa chỉ: Số 2 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tại Quyết định số 2665/QĐ - NHN_o-PC của Ngân hàng N: ông Nguyễn Hải N - Phó giám đốc phụ trách Ngân hàng N - Chi nhánh huyện H, tỉnh H

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn H- Phó giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện H, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Triệu Tà K, sinh năm 1991; Dân tộc: Dao. Căn cước công dân số 0020911000555; ngày cấp 04/4/2021; địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh H

Chị Vàng Thị Đ, sinh năm 1990; dân tộc : Tày. Căn cước công dân số 002190000795; ngày cấp 21/4/2021; địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh H

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Triệu Mùi P, sinh năm 1971; căn cước công dân số 002171000324; cấp ngày 21/4/2021; địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh H

Chị Triệu Mùi C, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh H

Người đại diện theo ủy quyền của anh Triệu Tà K, bà Triệu Mùi P, chị Triệu Mùi C là chị Vàng Thị Đ; địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh H

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về trách nhiệm trả số tiền nợ cho Ngân hàng :

Ông Triệu Tà K và bà Vàng Thị Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 8208-LAV-202000470, ngày 08/6/2020 với tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 06/9/2024 là 214.285.202đ (Hai trăm mười bốn triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm linh hai đồng). Trong đó, dư nợ gốc là 149.150.000đ (một trăm bốn mươi chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Lãi trong hạn là 31.030.685đ (ba mươi một triệu không trăm ba mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng; lãi quá hạn là 30.766.465đ (ba mươi triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng); lãi chậm trả của lãi trên nợ gốc trong hạn là 3.338.052đ (ba triệu ba trăm ba mươi tám nghìn không trăm năm mươi hai đồng).

Ngoài ra, ông Triệu Tà K, bà Vàng Thị Đ phải trả khoản tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 8208-LAV-20200470, ngày 08/6/2020 kể từ ngày 07/9/2024 cho đến khi ông K, bà Đ trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng, lãi suất phát sinh được tính theo mức lãi suất do các bên đã thoả thuận ký kết tại Hợp đồng tín dụng số 8208-LAV-20200470, ngày 08/6/2020.

2.2 Về phương thức trả nợ gốc và lãi với thời gian cụ thể như sau:

Về nợ gốc: ông Triệu Tà K, bà Vàng Thị Đ có trách nhiệm trả nợ gốc cho Ngân hàng N số tiền là 149.150.000đ (một trăm bốn mươi chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Thời hạn trả nợ là từ ngày 06/9/2024 đến ngày 31/12/2024, ông K, bà Đ phải trả xong nợ gốc cho Ngân hàng N.

Về nợ lãi : Đối với số tiền lãi của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 8208-LAV-20200470, ngày 08/6/2020 tính đến ngày 06/9/2024 là 65.135.202 (sáu mươi lăm triệu một trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm linh hai đồng) và số tiền lãi phát sinh từ ngày 07/9/2024 theo mức lãi suất được tính theo mức lãi suất do các bên đã thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8208-LAV-202001470, ngày 08/6/2020.

Thời gian ông K và bà Đ phải trả lãi bắt đầu từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi ông K và bà Đ trả hết số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng.

Phương thức trả nợ tính theo tháng, mỗi tháng là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Thời hạn chậm nhất là đến ngày 28 hằng tháng, ông Triệu Tà K, bà Vàng Thị Đ phải trả cho Ngân hàng N 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Nếu ông K, bà Đ vi phạm các thời hạn trả nợ nêu trên thì được coi như vi phạm thoả thuận và Ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự thi hành thu hồi toàn bộ khoản nợ còn lại.

Ông K, bà Đ được Ngân hàng cho vay theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP, ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Khi vay tiền thì ông K, bà Đ không phải thế chấp tài sản nhưng phải nộp cho Ngân hàng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L702972, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: 173/QSDĐ/01 do UBND huyện Hoàng Su Phì cấp ngày 05/10/1997 mang tên ông Triệu Sành T (đã chết) theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 55/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Khi nào ông K, bà Đ thanh toán xong các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng N có

trách nhiệm trả lại cho ông Triệu Tà K, bà Vàng Thị Đ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L702972, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: 173/QSDĐ/01 do UBND huyện Hoàng Su Phì cấp ngày 05/10/1997 mang tên ông Triệu Sành T (đã chết). Trong đó đất thổ cư diện tích 400 m²; đất màu 9.200 m² ; đất vườn rừng 13.000 m²; đất lúa 8.000 m² Địa chỉ đất tại thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh H

2.3. Về án phí: Ông Triệu Tà K, bà Vàng Thị Đ là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn là xã H, huyện H và có đơn xin miễn án phí. Anh K, chị Đ được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ngân hàng N được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004354, ngày 17/11/2023 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, số tiền là 3.700.000đ (ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Ngoài ra người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Hoàng Su Phì;
- CCTHADS huyện Hoàng Su Phì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thị Khuyên